

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN VIỆT YÊN
TỈNH BẮC GIANG**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 46/2017/HNGĐ-ST

Ngày: 19/12/2017

V/v ly hôn giữa
chị T và anh Tr

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN VIỆT YÊN

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Trung Thông.

Các hội thẩm nhân dân: Ông Lương Thanh Văn.

Bà Nguyễn Thị Lại.

Thư ký ghi biên bản phiên tòa: Ông Nguyễn Ngọc Minh – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Việt Yên.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Việt Yên tham gia phiên tòa: Bà Vũ Thị Lành – Kiểm sát viên.

Trong ngày 19/12/2017 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Việt Yên, tỉnh Bắc Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 206/2017/TLST–HNGĐ ngày 17 tháng 8 năm 2017 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 54 ngày 16/11/2017 về ly hôn và tranh chấp nuôi con, giữa:

1. Nguyên đơn: Chị Trần Thị T - sinh năm 1985 (có mặt).

2. Bị đơn: Anh Nguyễn Văn Tr - sinh năm 1982 (vắng mặt).

Đều trú quán: Thôn H, xã H, huyện V, tỉnh Bắc Giang.

Anh Tr được Toà án triệu tập lần hai nhưng vắng mặt không lý do.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện về việc xin ly hôn nộp trực tiếp tại Tòa án ngày 24/7/2017 và trong quá trình xét xử, nguyên đơn là chị Trần Thị T trình bày:

Về quan hệ vợ chồng: Chị và anh Nguyễn Văn Tr đăng ký kết hôn vào ngày 23/01/2007 tại UBND xã H, huyện V, tỉnh Bắc Giang. Sau khi kết hôn, vợ chồng sống chung với gia đình bố mẹ anh Tr. Vợ chồng chung sống hạnh phúc được 09 năm

thì nảy sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do vợ chồng tình cảm không còn, trong cuộc sống vợ chồng không tìm được tiếng nói chung về vấn đề kinh tế, hơn nữa giữa chị và mẹ chồng còn xảy ra mâu thuẫn về đời sống chung của vợ chồng chị. Vợ chồng thường xuyên xảy ra cãi vã, xích mích. Đến tháng 3/2017, chị về nhà mẹ đẻ, vợ chồng sống ly thân từ đó đến nay. Trong thời gian vợ chồng ly thân, vợ chồng không gặp gỡ, nói chuyện, không ai quan tâm đến ai, anh Tr cũng không lên nhà mẹ đẻ của chị để đón chị về. Nay chị xác định vợ chồng không thể đoàn tụ, tình cảm vợ chồng không còn, đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Tr.

Về con chung: Vợ chồng có hai con chung là cháu Nguyễn Khánh Tg – sinh ngày 17/11/2007 và cháu Nguyễn Khánh D – sinh ngày 29/9/2012. Cả hai cháu đang ở cùng anh Tr, cuộc sống phát triển bình thường, không cháu nào bị bệnh tật gì. Nay vợ chồng ly hôn, chị T đề nghị Tòa án giao các con chung cho anh Tr trực tiếp nuôi dưỡng.

Về tài sản chung, ruộng canh tác chung, công nợ chung: Vợ chồng không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa, chị T vẫn giữ nguyên quan điểm xin ly hôn anh Tr như đơn khởi kiện.

Phía bị đơn là anh Nguyễn Văn Tr tại các biên bản lấy lời khai trình bày:

Về quan hệ vợ chồng: Anh và chị T trước khi kết hôn có được tự do tìm hiểu và đăng ký kết hôn tại UBND xã H, huyện V vào ngày 23/01/2007 là hoàn toàn tự nguyện. Sau khi cưới, vợ chồng về sống chung với gia đình bố mẹ anh. Theo anh cuộc sống chung của vợ chồng không có mâu thuẫn gì lớn, chỉ thỉnh thoảng nảy sinh một số mâu thuẫn nhỏ không tránh khỏi. Việc chị T về nhà mẹ đẻ từ tháng 3/2017 đến nay, anh không biết nguyên nhân tại sao. Anh đã chủ động đến nhà mẹ đẻ của chị T để đón chị về nhưng chị không đồng ý. Từ khi ly thân đến nay, vợ chồng chỉ thỉnh thoảng gặp gỡ, trao đổi về vấn đề con cái. Nay chị T xin ly hôn với anh, anh thấy tình cảm vợ chồng vẫn còn, hơn nữa anh có mong muốn vợ chồng đoàn tụ để cùng nuôi dạy con cái. Vì vậy anh không đồng ý ly hôn với chị T.

Về con chung: Vợ chồng có hai con chung là cháu Nguyễn Khánh Tg – sinh ngày 17/11/2007 và cháu Nguyễn Khánh D – sinh ngày 29/9/2012. Trong trường hợp vợ chồng không thể hoà giải mà phải ly hôn thì anh đề nghị Tòa án giao cả hai con chung cho anh trực tiếp nuôi dưỡng và không yêu cầu chị T phải đóng góp phí tổn nuôi con chung cùng anh. Hiện nay với công việc xây dựng tại địa phương, anh có mức thu nhập là gần 10 triệu đồng / tháng, anh xác định với mức thu nhập trên anh hoàn toàn đủ khả năng nuôi dưỡng các con chung.

Về tài sản chung, ruộng canh tác chung, công nợ chung: Anh xác định vợ chồng không có và không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Cháu Nguyễn Khánh Tg tại biên bản lấy lời khai trình bày: Việc bố mẹ cháu ly hôn cháu không biết nguyên nhân tại sao. Trong trường hợp bố mẹ cháu không ở với nhau nữa thì cháu có nguyện vọng được ở với bố.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Việt Yên phát biểu ý kiến đã đánh giá việc tuân theo pháp luật tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử; việc chấp hành pháp luật của nguyên đơn là đúng pháp luật, của bị đơn là chưa đúng pháp luật và đề nghị Tòa án xử cho ly hôn giữa chị T và anh Tr; giao các con chung là cháu Nguyễn Khánh Tg và Nguyễn Khánh D cho anh Tr trực tiếp nuôi dưỡng, vấn đề cấp dưỡng nuôi con chung không đặt ra giải quyết; chị T phải chịu án phí sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ và các chứng cứ được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

*** Về tố tụng:** Chị T có đơn đề nghị Toà án nhân dân huyện Việt Yên giải quyết việc hôn nhân của chị và anh Tr. Theo quy định tại Điều 35 Bộ luật tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Toà án nhân dân huyện Việt Yên.

*** Về quan hệ vợ chồng:** Chị T và anh Tr có đăng ký kết hôn và được UBND xã H, huyện V, tỉnh Bắc Giang cấp Giấy chứng nhận kết hôn số 09 ngày 23/01/2007 là hôn nhân hợp pháp. Vợ chồng chung sống hạnh phúc được gần 10 năm thì nảy sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do vợ chồng bất đồng quan điểm về nhiều vấn đề trong cuộc sống, đặc biệt là vấn đề kinh tế nên giữa vợ chồng thường xuyên xảy ra cãi vã, xô xát. Ngoài ra giữa chị T và bố mẹ chồng còn xảy ra mâu thuẫn. Vợ chồng sống ly thân từ tháng 3/2017 đến nay, bản thân anh Tr cùng gia đình hai bên đã hoà giải cho vợ chồng nhưng vẫn không thành. Chị T thấy tình cảm vợ chồng không còn nên xin được ly hôn anh Tr. Anh Tr cho rằng tình cảm vợ chồng vẫn còn và anh có nguyện vọng vợ chồng đoàn tụ để cùng nuôi dạy con cái nên không đồng ý ly hôn với chị T.

Hội đồng xét xử xét thấy, trong cuộc sống vợ chồng của chị T anh Tr đã có nhiều mâu thuẫn không thể hòa giải được. Qua xác minh tại địa phương thì được biết nguyên nhân mâu thuẫn của vợ chồng xuất phát từ vấn đề kinh tế, chị T đi làm công ty, thường xuyên về muộn và cũng không chăm lo đến cuộc sống chung của vợ chồng. Mặc dù giữa vợ chồng và giữa chị T với gia đình bố mẹ anh Tr có nói chuyện nhưng chị T vẫn không thay đổi. Vì vậy, vợ chồng nảy sinh mâu thuẫn và xảy ra cãi vã, xích mích.

Sau khi thụ lý vụ án Toà án đã tiến hành hoà giải nhiều lần để vợ chồng về đoàn tụ nhưng chị T cho rằng mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, tình cảm vợ chồng không còn, không thể chung sống với nhau nữa. Tại phiên tòa hôm nay chị T vẫn kiên quyết yêu cầu được ly hôn anh Tr. Phía bị đơn là anh Tr, mặc dù đã được Tòa án triệu

tập nhiều lần nhưng anh Tr vẫn vắng mặt. Hội đồng xét xử xét thấy mong muốn đoàn tụ của anh Tr là không có cơ sở khi Tòa án triệu tập để xem xét tình trạng hôn nhân của anh chị nhưng anh không tham gia hoà giải và không đến phiên tòa. Từ những nhận định trên, Hội đồng xét xử xét thấy mâu thuẫn của vợ chồng đã thực sự trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, cần xử cho chị T được ly hôn với anh Tr là có căn cứ.

*** Về con chung:** Chị T, anh Tr đều xác định có hai con chung là cháu Nguyễn Khánh Tg – sinh ngày 17/11/2007 và cháu Nguyễn Khánh D – sinh ngày 29/9/2012. Nay vợ chồng ly hôn, chị T nhất trí giữ nguyên tình trạng con chung như hiện nay và đề nghị Tòa án giao các con chung cho anh Tr trực tiếp nuôi dưỡng. Phía anh Tr đề nghị, anh vẫn có nguyện vọng vợ chồng được đoàn tụ để cùng nuôi dạy con chung. Trường hợp vợ chồng không thể hòa giải mà phải ly hôn, anh Tr cũng đề nghị Tòa án giao các con chung cho anh trực tiếp nuôi dưỡng. Hội đồng xét xử xét thấy cả chị T và anh Tr đều nhất trí giao các con chung cho anh Tr trực tiếp nuôi dưỡng, các con chung ở cùng anh Tr từ bé, đời sống được đảm bảo, cháu Tường có nguyện vọng được ở với bố. Vì vậy cần giao cháu Nguyễn Khánh Tg – sinh ngày 17/11/2007 và cháu Nguyễn Khánh D – sinh ngày 29/9/2012 cho anh Tr trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp. Việc anh Tr không yêu cầu chị T phải đóng góp phí tổn nuôi con chung cùng anh, xét thấy đây là sự tự nguyện của anh Tr và chị T không có ý kiến gì nên Hội đồng xét xử không xem xét tại vụ án này.

*** Về tài sản, ruộng canh tác, công nợ:** Vợ chồng đều xác định không có và không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét tại vụ án này.

*** Về án phí:** Chị T phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng: Điều 51, 56, 57, 58 Luật hôn nhân và gia đình; Điều 35, 147, 227, 271, 273 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 27 Nghị quyết 326 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Xử:

[1] Về quan hệ vợ chồng: Cho ly hôn giữa chị Trần Thị T và anh Nguyễn Văn Tr.

[2] Về con chung: Giao hai con chung của vợ chồng là cháu Nguyễn Khánh Tg – sinh ngày 17/11/2007 và cháu Nguyễn Khánh D – sinh ngày 29/9/2012 cho anh Nguyễn Văn Tr trực tiếp nuôi dưỡng; vấn đề cấp dưỡng nuôi con chung không đặt ra giải quyết. Chị T có quyền thăm nom con chung, không ai được cản trở.

[3] Về án phí: Chị Trần Thị T phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm. Xác nhận chị T đã nộp đủ 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm tại Biên lai thu số

AA/2012/04647 ngày 17 tháng 8 năm 2017 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Việt Yên. Anh Nguyễn Văn Tr không phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm.

Báo cho nguyên đơn có mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được tổng đạt bản án./.

Nơi nhận:

- TAND t. Bắc Giang;
- VKSND h. Việt Yên;
- THADS;
- UBND x. H, h. V;
- Đương sự;
- Lưu: Hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

(đã ký)

Nguyễn Trung Thông